TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐĂK SONG** **TỈNH ĐĂK NÔNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/DS-ST
Ngày 30-6-2021
V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐĂK SONG, TỈNH ĐĂK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Mã Thị Kỳ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Điểu Nhót và ông Hoàng Minh Hải

Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Thúy Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Song.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên toà : Ông Nguyễn Trọng Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25a/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2021/QĐST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S (*Viết tắt là Ngân hàng S*)

Địa chỉ: 266 – 268 N, Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Đơn vị được ủy quyền: Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh tỉnh Đăk Nông

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H – Trưởng phòng kiểm soát rủi ro – Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh tỉnh Đăk Nông (*Văn bản ủy quyền số: 272/2020/GUQ-CNĐNO ngày 13-11-2020*).

Địa chỉ: 33 H, phường N, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đăk Nông – Có mặt.

Bị đơn: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị P.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt (đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 29-12-2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị P có 02 lần vay vốn tại Ngân hàng TMCP S – chi nhánh Đăk Nông tổng số tiền là 530.000.000 đồng, cụ thể từng lần vay như sau:

- Theo Hợp đồng tín dụng số: LD1814500274 ngày 11-6-2018 và Theo giấy nhận nợ số 01/LD1814500274 ngày 20-6-2018 thì số tiền vay là 500.000.000 đồng (Dư nợ hiện tại: 450.000.000 đồng); thời hạn vay là 48 tháng; lãi suất vay: 12.3%/năm và có điều chỉnh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng.

Phân kỳ trả nợ như sau:

Việc trả nợ gốc được phân thành 04 kỳ, cụ thể như sau:

Kỳ thứ nhất: Trả 50.000.000 đồng, hạn trả là ngày 20-6-2019;

Kỳ thứ hai: Trả 100.000.000 đồng, hạn trả là ngày 20-6-2020;

Kỳ thứ ba: Trả 100.000.000 đồng, hạn trả là ngày 20-6-2021;

Kỳ thứ tư: Trả 250.000.000 đồng, hạn trả là ngày 20-6-2022;

- Theo Hợp đồng tín dụng số: LD1915700331 ngày 19-6-2019 thì số tiền vay là 30.000.000 đồng, dư nợ hiện tại 25.000.000 đồng, thời điểm trả hết nợ ngày 19/6/2021; mục đích vay: Vay tiêu dùng; Lãi suất: 20.3%/năm (Bao gồm cả phí bảo hiểm); kỳ trả gốc và lãi: Trả làm 04 kỳ, 06 tháng/1lần; 02 kỳ đầu mỗi kỳ phải trả 5.000.000 đồng, 02 kỳ sau mỗi kỳ phải trả 10.000.000 đồng.

Tài sản bảo đảm ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị P đã thế chấp cho Ngân hàng S chi nhánh Đăk Nông: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giấy chứng nhận số CA 978887 do UBND huyện ĐS cấp ngày 02-02-2016 mang tên Nguyễn Thị P và Trần Văn T, thuộc thửa đất số 106, tờ bản đồ số 61, diện tích 15.957m^2, thửa đất tọa lạc tại thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Việc thế chấp được lập bằng hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 565/2018/TCGN ngày 19-6-2018, được công chứng tại Văn Phòng Công chứng ĐS và đăng ký thế chấp tại chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đ, vào ngày 19-6-2018.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 20-6-2019 ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị P mới chỉ trả được cho Ngân hàng số tiền 55.000.000 đồng nợ gốc và 66.436.165 đồng nợ lãi; số tiền còn lại ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng như đã thỏa thuận. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông Trần Văn T bà Nguyễn Thị P vẫn không có thiện chí trả nợ, cố tình vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Vì vậy ngày 30-6-2020 Ngân hàng ra thông báo chấm dứt hợp đồng tín dụng và chuyển toàn bộ số nợ trên sang nợ quá hạn.

Tính hết ngày 12-11-2020 ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị P còn nợ ngân hàng tổng số tiền là 566.414.634 đ *(Năm trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm mười bốn nghìn sáu trăm ba mươi tư đồng);* trong đó: Nợ gốc là 475.000.000 đồng; lãi trong hạn là 86.196.507 đồng, lãi phạt quá hạn là 5.218.126 đồng.

Việc ông Trần Văn T bà Nguyễn Thị P không thanh toán nợ cho Ngân hàng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Do đó Ngân hàng khởi kiện ông Trần Văn

T, bà Nguyễn Thị P yêu cầu ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị P trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi còn nợ lại như đã nêu trên.

Đồng thời yêu cầu ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị P tiếp tục trả lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp bên vay vốn không trả được nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản ông Trần Văn T bà Nguyễn Thị P thế chấp tại Ngân hàng để thu hồi nợ.

Yêu cầu ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị P phải thanh toán toàn bộ án phí, chi phí phát sinh có liên quan.

Nếu việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị P có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu cho Ngân hàng.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06-4-2021 thể hiện: Qua kiểm tra, xác minh, đo đạc trên thực tế và ráp bản đồ thì đặc điểm tứ cận thửa đất xem xét, thẩm định đúng như Giấy chứng nhận QSDĐ của thửa đất mà ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị P thế chấp tại Ngân hàng.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị P trả tổng số tiền là 613.446.322 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 475.000.000 đồng, lãi trong hạn là 124.068.639 đồng, lãi phạt quá hạn là 7.877.315 đồng, lãi chậm trả lãi là 6.502.368 đồng; lãi suất tính đến ngày 30-6-2021; đồng thời các khoản tiền lãi, lãi quá hạn, các khoản phí phát sinh do quá hạn được tiếp tục tính kể từ ngày 01-7-2021 đến khi thu hồi được toàn bộ nợ vay theo mức lãi suất, lãi quá hạn, các khoản phí phát sinh do chậm trả lãi thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký. Ngoài ra, Ngân hàng đề nghị được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng nếu ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để trả toàn bộ số tiền nợ của ông Trần Văn T bà Nguyễn Thị P thì ông Trần Văn T bà Nguyễn Thị P còn phải tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu cho Ngân hàng.

Đối với bị đơn ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị P: Kết quả xác minh xác định ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông nhưng hiện nay đã đi khỏi địa Nguyễn Thị P, không xác định được đi đâu. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị P bằng các hình thức niêm yết, thông báo trên Nguyễn Thị P tiện thông tin đại chúng nhưng ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị P vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung giải quyết vụ án, phát biểu như sau:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng thì thấy: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; việc thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của

những người tham gia tố tụng trong vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành quy định, đã đi khỏi địa Nguyễn Thị P không xác định được nơi ở mới.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị P phải trả cho nguyên đơn 613.446.322 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 475.000.000 đồng, lãi trong hạn là 124.068.639 đồng, lãi phạt quá hạn là 7.877.315 đồng, lãi chậm trả lãi là 6.502.368 đồng, lãi suất tính đến ngày 30-6-2021; đồng thời buộc ông Trần Văn T bà Nguyễn Thị P trả các khoản tiền lãi, lãi quá hạn, các khoản phí phát sinh do quá hạn kể từ sau ngày 01-7-2021 đến khi thu hồi được toàn bộ nợ vay theo mức thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp, ông Trần Văn T bà Nguyễn Thị P không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng được đề nghị cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ; trường hợp xử lý tài sản không đủ để trả nợ thì ông Trần Văn T bà Nguyễn Thị P phải tiếp tục trả nợ cho ngân hàng.

Các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án: Bản sao Hồ sơ tín dụng, hồ sơ pháp lý của ngân hàng, hồ sơ khách hàng; là các tài liệu do nguyên đơn cung cấp. Ngoài ra, còn có một số tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án như bản tự khai của nguyên đơn; biên bản xem xét, thẩm định; kết quả thông báo, triệu tập đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị P phải trả số tiền nợ gốc là 475.000.000 đồng và lãi phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng số: LD1814500274 ngày 11-6-2018, Theo giấy nhận nợ số: 01/LD1814500274 ngày 20-6-2018 và theo Hợp đồng tín dụng số: LD1915700331 ngày 19-6-2019, đồng thời yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nếu ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị P không trả được hoặc trả không đủ nợ nên quan hệ pháp luật được xác định là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thời hiệu khởi kiện: Từ ngày 20-6-2020 ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị P vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngày 29-12-2020 Ngân hàng khởi kiện là vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện, quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự.

[1.3]. Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng bằng các hình thức như trực tiếp (đối với nguyên đơn); niêm yết công khai và thông báo trên Nguyễn Thị P tiện thông tin đại

chúng (đối với bị đơn) đúng theo Điều 173 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, quá trình giải quyết, bị đơn ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị P không có mặt, kết quả xác minh tại địa Nguyễn Thị P xác định ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị P đã đi khỏi địa Nguyễn Thị P và hiện nay không biết đang ở đâu. Như vậy, ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị P đã tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị P vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị P theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Về nội dung và hình thức của hợp đồng: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị P có ký kết với Ngân hàng S chi nhánh Đăk Nông các hợp đồng tín dụng nêu trên để vay tổng số tiền 530.000.000 đồng. Xét thấy, việc thỏa thuận giữa các bên về số tiền vay, hạn trả nợ, mức lãi suất và phân kỳ trả nợ là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, hợp đồng được lập thành văn bản; do vậy hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng S với ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị P có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự và Luật các tổ chức tín dụng.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị P trả tổng số tiền nợ là 613.446.322 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 475.000.000 đồng, lãi trong hạn là 124.068.639 đồng, lãi phạt quá hạn là 7.877.315 đồng, lãi chậm trả lãi là 6.502.368 đồng; Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng S với ông Trần Văn Tvà bà Nguyễn Thị P xác định số tiền vay, thời hạn trả nợ và lãi suất thỏa thuận như nguyên đơn trình bày là đúng; Ngân hàng S đã giải ngân cho ông Trần Văn Tvà bà Nguyễn Thị P số tiền 530.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị P mới chỉ trả cho ngân hàng 55.000.000đ nợ gốc gốc và 66.436.165 đồng lãi suất; số tiền còn lại ông Trần Văn T bà Nguyễn Thị P không trả cho Ngân hàng S khi đến thời hạn đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong hợp đồng, vi phạm khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác"*. Mặc dù vậy, ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị P đã bỏ đi khỏi địa Nguyễn Thị P và không xác định được hiện nay đang ở đâu nên việc Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị P trả nợ là có căn cứ. Do đó, cần áp dụng các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự; các Điều 90, 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S.

Đối với yêu cầu tính lãi suất của Ngân hàng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc thỏa thuận mức lãi suất trong hạn, quá hạn, phạt chậm trả, phạt vi phạm giữa Ngân

hàng S với ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị P theo hợp đồng tín dụng nêu trên là phù hợp với Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng S về việc tính lãi trên số tiền gốc mà ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị P còn nợ, cụ thể: lãi trong hạn là 124.068.639 đồng, lãi phạt quá hạn là 7.877.315 đồng, lãi chậm trả lãi là 6.502.368 đồng (tiền lãi tính đến ngày 30-6-2021).

[2.3]. Xét Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 565/2018/TCGN ngày 19-6-2018 giữa Ngân hàng S với ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị P, thấy rằng: Hợp đồng được lập thành văn bản, theo mẫu, có công chứng tại Văn Phòng Công chứng ĐS và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, theo giấy chứng nhận số CA 978887 do UBND huyện ĐS cấp ngày 02-02-2016 mang tên bà Nguyễn Thị P và ông Trần Văn Trần Văn T, thuộc thửa đất số 106, tờ bản đồ số 61, diện tích 15.957m^2, thửa đất tọa lạc tại thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Việc thế chấp đúng quy định theo điểm a khoản 3 Điều 167; khoản 1 Điều 168 Luật đất đai; Điều 298, Điều 299, 317, 320 Bộ luật Dân sự. Do đó, hợp đồng thế chấp được lập giữa Ngân hàng S với ông ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị P là hợp pháp, yêu cầu của khởi kiện của ngân hàng được chấp nhận nên cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ.

[3]. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là: 4.000.000đ *(Bốn triệu đồng)*, nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định là 4.000.000đ *(Bốn triệu đồng)*. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 4.000.000đ *(Bốn triệu đồng.*

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chấp nhận nên buộc bị đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về chi phí thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bị đơn: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 298; 299, 317, 320, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự; các Điều 90, 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 167; khoản 1 Điều 168 Luật đất đai; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30-12-2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

Buộc ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị P phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền 613.446.322đ (*Sáu trăm mười ba triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi hai đồng*), trong đó: Tiền nợ gốc là 475.000.000đ (*Bốn trăm bảy mươi lăm triệu đồng*), lãi trong hạn là 124.068.639đ (*Một trăm hai mươi bốn triệu không trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi chín đồng*), lãi phạt quá hạn là 7.877.315đ (*Bảy triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm mười lăm đồng*), lãi chậm trả lãi là 6.502.368đ (*Sáu triệu năm trăm linh hai nghìn ba trăm sáu mươi tám đồng*); lãi suất tính đến ngày 30-6-2021.

Trường hợp ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị P không trả hoặc trả không đủ số tiền nợ thì Ngân hàng TMCP S được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp của ông Trần Văn Tvà bà Nguyễn Thị P để đảm bảo việc thu hồi nợ (*Theo hợp đồng thế chấp số 565/2018/TCGN ngày 19-6-2018*); Trường hợp việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để trả toàn bộ số tiền nợ của ông Trần Văn T bà Nguyễn Thị P thì ông Trần Văn T bà Nguyễn Thị P còn phải tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu cho Ngân hàng S.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30-6-2021) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định: Do Ngân hàng TMCP S đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) nên buộc ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị P phải trả cho ngân hàng số tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị P phải nộp 28.538.000đ (*Hai mươi tám triệu năm trăm ba mươi tám nghìn đồng (làm tròn)*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 13.328.000đ (*Mười ba triệu ba trăm hai mươi tám nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005120, ngày 12-01-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(*Đã ký*)

Mã Thị Kỳ